

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/KDTM – ST**

Ngày: 05/02/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-KDTM ngày 26/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2020/QĐXXST- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cho thuê tài chính TNHH B**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 191 Đường A, Phường C, Quận D, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số 472 - 472A - 472C Đường E, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Vương Hoàng Đ**, sinh năm 1981 (*có mặt*) là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 379/QĐUQ-BSL ngày 20/9/2019 và Quyết định ủy quyền số 148/2020/QĐUQ-BSL.HCM ngày 17/3/2020)

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 155P/47 Đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Võ Ngọc T**, sinh năm 1971 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01-2020/UQ ngày 25/5/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Vương Hoàng Đ trình bày:**

Công ty cho thuê tài chính TNHH B (tên cũ là “Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đ”, gọi tắt là “BSL”) đã ký các Hợp đồng cho thuê tài chính (sau đây viết tắt là HĐCTTC) với Công ty TNHH T (gọi tắt là “Công ty T”). Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho thuê tài chính số 320/2007/HĐCTTC ngày 30/10/2007:

Tài sản	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu Model D50P-16	Xe đào bánh xích, Hiệu Sumitomo, model SH300HD	Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu, model D40AM-5
Tình trạng	Đã qua sử dụng	Đã qua sử dụng	Đã qua sử dụng
Số khung	D50P16-6872	300A1-1111	D40-5-10290
Số máy	4D130-1-28216	6D22-219036	6D105-120446
Biển số	50XA-1027	50XA-1028	50XA-1026

- Tổng giá trị tài sản là: 1.401.865.000 đồng
- + Số tiền trả trước là: 420.559.500 đồng
- + Số tiền nhận nợ là: 981.305.500 đồng
- Số tiền ký cược: 0 đồng
- Thời hạn thuê tài chính: 36 tháng, từ 02/11/2007 đến 02/11/2010
- Kỳ hạn trả nợ: Gốc 03 tháng/lần; lãi 01 tháng/lần
- Lãi suất áp dụng: 1.15%/tháng áp dụng trong 06 tháng đầu, từ tháng 07 trở đi áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả sau) của Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cộng 0,45 và điều chỉnh 06 tháng/lần.

Kể từ ngày 06/8/2010, Công ty T không thanh toán nợ theo cam kết tại hợp đồng thuê tài chính số 320/2007/HĐCTTC, vi phạm khoản 7.1 điều 7 hợp đồng cho thuê tài chính.

Ngày 03/10/2019, với sự đồng ý và bàn giao tài sản của Công ty T, BSL đã bán đấu giá thành công xe 50XA-1028 thông qua Công ty CP Đấu giá hợp danh Bình Phú, giá bán là 99.166.667 đồng. Khách hàng mua tài sản đấu giá là Công ty TNHH An Phú Gia.

Tính đến hết ngày 19/11/2019, Công ty T đã thanh toán cho hợp đồng cho thuê tài chính số 320/2007/HĐCTTC là: 1.686.928.208 đồng (trong đó nợ gốc 1.401.865.000 đồng, nợ lãi 285.063.208 đồng).

Tạm tính đến hết ngày 19/11/2019, số tiền của hợp đồng 320/2007/HĐCTTC mà Công ty T phải thanh toán là: 35.470.305 đồng, trong đó nợ gốc 00 đồng, nợ lãi 35.470.305 đồng.

Những tài sản thuê tài chính của hợp đồng 320/2007/HĐCTTC mà Công ty TNHH T hiện còn đang giữ, chưa bàn giao lại cho BSL để xử lý nợ thuê tài chính theo cam kết là 02 tài sản, gồm: Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu Model D50P-16 biển số 50XA-1027 và Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu, model D40AM-5 biển số 50XA-1026.

2. Hợp đồng cho thuê tài chính số 202/2008/HĐCTTC ngày 10/06/2008:

- Tài sản thuê tài chính:

+ Tài sản:	Xe lu hiệu Komatsu JV100 WA Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D41A-3 Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 Đã qua sử dụng
+Số khung:	26518	D40 3-7198	D50P16-66055
+ Số máy:	6D 105-80973	6D105-72601	4D130-1-17841
+ Biển số:	50SA-0434	50XA-0922	50XA-0921

- Tổng giá trị tài sản là: 1.370.000.000 đồng

+ Số tiền trả trước là: 137.000.000 đồng

+ Số tiền nhận nợ là: 1.233.000.000 đồng

- Số tiền ký quỹ: 274.000.000 đồng

- Thời hạn thuê tài chính: 36 tháng, từ 16/6/2008 đến 16/6/2011

- Kỳ hạn trả nợ: Gốc 03 tháng/lần; lãi 01 tháng/lần

- Lãi suất áp dụng: 1.15%/tháng áp dụng trong 06 tháng đầu, từ tháng 07 trở đi áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố và điều chỉnh 06 tháng/lần.

Kể từ ngày 08/01/2010, Công ty T không thanh toán nợ theo cam kết tại hợp đồng thuê tài chính số 202/2008/HĐCTTC, vi phạm khoản 6.1 điều 6, hợp đồng cho thuê tài chính.

Do đó, ngày 12/12/2014 BSL đã ra Quyết định thu hồi tài sản số 1167/QĐ-BLC về việc thu hồi tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê

tài chính số 202/2008/HĐCTTC ngày 10/06/2008.

Tính đến hết ngày 19/11/2019, Công ty T đã thanh toán cho hợp đồng cho thuê tài chính số 202/2008/HĐCTTC là: 1.664.436.857 đồng (trong đó nợ gốc 1.370.000.000 đồng, nợ lãi 294.436.857 đồng).

Tạm tính hết đến ngày 19/11/2019, số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính số 202/2008/HĐCTTC là: 1.296.605.009 đồng, trong đó nợ gốc 00 đồng, nợ lãi 1.296.605.009 đồng.

Những tài sản thuê tài chính của hợp đồng 202/2008/HĐCTTC mà Công ty TNHH T hiện còn đang giữ, chưa bàn giao lại cho BSL để xử lý nợ thuê tài chính theo quyết định thu hồi tài sản số 1167/QĐ-BLC là 03 tài sản, gồm: Xe lu hiệu Komatsu JV100 WA biển số 50SA-0434, Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D41A-3 biển số 50XA-0922, Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 biển số 50XA-0921.

3. Hợp đồng cho thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC ngày 08/08/2008:

- Tài sản thuê tài chính

+ Tài sản:	Máy ủi bánh xích KOMATSU D50A-16 - Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSU D60P - Đã qua sử dụng	Máy đào bánh xích hiệu KATO HD900V2 - Đã qua sử dụng
+Số khung:	D50P16-57132	D60P6-34064	9006249W
+ Số máy:	4D130-23886	NH-220-26169687	6D15-798360
+ Biển số:	50XA-2326	50XA-1289	50XA-1288

- Tổng giá trị tài sản là: 1.890.000.000 đồng

+ Số tiền trả trước là: 189.000.000 đồng

+ Số tiền nhận nợ là: 1.701.000.000 đồng

- Số tiền ký cược: 378.000.000 đồng

- Thời hạn thuê tài chính: 36 tháng, từ 15/01/2008 đến 13/8/2011

- Kỳ hạn trả nợ: Gốc 03 tháng/lần; lãi 01 tháng/lần

- Lãi suất áp dụng: 1.75%/tháng, bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố và điều chỉnh khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước thay đổi.

Kể từ ngày 08/01/2010, Công ty T không thanh toán nợ theo cam kết tại hợp đồng thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC, vi phạm khoản 6.1 điều 6, hợp đồng cho thuê tài chính.

Do đó, ngày 12/12/2014 Công ty cho thuê tài chính đã ra Quyết định thu hồi tài sản số 1169/QĐ-BLC về việc thu hồi tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC ngày 08/08/2008.

Ngày 03/10/2019, với sự đồng ý và bàn giao tài sản của Công ty TNHH T, BSL đã bán đấu giá thành công xe 50XA-1288 thông qua Công ty CP Đấu giá hợp danh Bình Phú, giá bán là 55.166.667 đồng. Khách hàng mua tài sản là Công ty TNHH An Phú Gia.

Tính đến hết ngày 19/11/2019, Công ty T đã thanh toán cho hợp đồng cho thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC là: 2.024.316.490 đồng (trong đó nợ gốc 1.682.792.009 đồng, nợ lãi 341.524.481 đồng).

Tạm tính đến hết ngày 19/11/2019, số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC là: 3.322.568.507 đồng, trong đó nợ gốc 207.207.991 đồng, nợ lãi 3.115.360.516 đồng.

Những tài sản thuê tài chính của hợp đồng 262/2008/HĐCTTC mà Công ty TNHH T hiện còn đang giữ, chưa bàn giao lại cho BSL để xử lý nợ thuê tài chính theo quyết định thu hồi tài sản số 1169/QĐ-BLC là 02 tài sản, gồm: Máy ủi bánh xích KOMATSU D50A-16 biển số 50XA-2326, Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSU D60P biển số 50XA-1289.

4. Hợp đồng cho thuê tài chính số 168/2010/HĐCTTC ngày 23/12/2010:

- Tài sản thuê tài chính:

+ Tài sản:	Máy đào bánh xích hiệu KUBOTA KH700-7 Đã qua sử dụng
+ Số khung:	144-24654
+ Số máy:	6BD1-542653
+ Biển số:	50XA-2018

- Tổng giá trị tài sản là: 770.000.000 đồng

+ Số tiền trả trước là: 154.000.000 đồng

+ Số tiền nhận nợ là: 616.000.000 đồng

- Số tiền ký cược: 77.000.000 đồng

- Thời hạn thuê tài chính: 36 tháng, từ 28/12/2010 đến 28/12/2013

- Kỳ hạn trả nợ: Gốc 03 tháng/lần; lãi 01 tháng/lần

- Lãi suất áp dụng: 17.5%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 04 thả nổi theo nguyên tắc bằng lãi suất huy động tiền gửi dân cư kỳ hạn 12 tháng của BSL cộng với biên độ 3.5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Kể từ ngày 28/12/2010, Công ty T không thanh toán nợ theo cam kết tại hợp đồng thuê tài chính số 168/2010/HĐCTTC, vi phạm khoản 7.1 điều 7, hợp đồng cho thuê tài chính đã hết hạn vào ngày 28/12/2013.

Do đó, ngày 12/12/2014, Công ty cho thuê tài chính đã ra Quyết định thu hồi tài sản số 1168/QĐ-BLC về việc thu hồi tài sản cho thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 168/2010/HĐCTTC ngày 23/12/2010.

Ngày 03/10/2019, với sự đồng ý và bàn giao tài sản của Công ty TNHH T, BSL đã bán đấu giá thành công xe 50XA-2018 thông qua Công ty CP Đấu giá hợp danh Bình Phú, giá bán là 44.166.666 đồng. Khách hàng mua tài sản là Công ty TNHH An Phú Gia.

Như vậy, tổng số nợ của 04 HĐCTTC nêu trên tính tạm đến ngày 19/11/2019 Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV là 5.272.368.385 đồng, bao gồm nợ gốc: 207.207.991 đồng, nợ lãi: 5.065.160.394 đồng.

Sau khi đã xử lý được 03 tài sản để thu hồi nợ, từ ngày 15/06/2020 số nợ còn lại theo 04 HĐCTTC là nợ gốc: 00 đồng, nợ lãi: 5.059.871.718 đồng.

Công ty TNHH T đã không trả nợ đúng hạn cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH B, vi phạm cam kết theo hợp đồng. Công ty Cho thuê tài chính TNHH B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH T thanh toán toàn bộ tiền nợ lãi của 04 Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên đã được chốt lại tổng cộng là 5.059.871.718 đồng.

- Buộc Công ty TNHH T phải bàn giao cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH B 07 tài sản còn lại để BSL xử lý tài sản trừ vào số nợ Công ty T phải trả, gồm:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số: 262/2008/HĐCTTC:

+Tài sản:	Máy ủi bánh xích KOMATSU D50A-16, Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSU D60P, Đã qua sử dụng
+Số khung:	D50P16-57132	D60P6-34064
+ Số máy:	4D130-23886	NH-220-26169687
+ Biển số:	50XA-2326	50XA-1289

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số: 202/2008/HĐCTTC:

+Tài sản:	Xe lu hiệu Komatsu JV100 WA, Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D41A-3, Đã qua sử dụng	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16, Đã qua sử dụng
-----------	---	--	---

+ Số khung:	26518	D40 3-7198	D50P16-66055
+ Số máy:	6D 105-80973	6D105-72601	4D130-1-17841
+ Biển số:	50SA-0434	50XA-0922	50XA-0921

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số: 320/2007/HĐCTTC

+ Tài sản:	Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu Model D50P-16, đã qua sử dụng	Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu, model D40AM-5, đã qua sử dụng
+ Số khung:	D50P16-6872	D40-5-10290
+ Số máy:	4D130-1-28216	6D105-120446
+ Biển số:	50XA-1027	50XA-1026

*** Tại bản khai ngày 25/05/2020, đại diện Công ty TNHH T là ông Võ Ngọc T trình bày:**

Công ty TNHH T thừa nhận có ký 04 Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty Cho thuê tài chính TNHH B (BSL) như đại diện nguyên đơn trình bày. Hiện nay số nợ gốc Công ty T đã thanh toán dứt điểm cho BSL, chỉ còn tiền nợ lãi như phía BSL tính tổng của 04 Hợp đồng là 5.059.871.718 đồng Công ty T cũng chấp nhận trả nhưng do hiện nay Công ty T đã ngừng hoạt động, không còn khả năng thanh toán nên đề nghị BSL xem xét không tính lãi phát sinh do chậm trả tiền lãi trong giai đoạn thi hành án. Công ty T đề nghị được trả dần số tiền nợ 5.059.871.718 đồng mỗi tháng là 15.000.000 đồng và sẽ trả dứt điểm vào ngày 01/02/2026.

Đối với yêu cầu bàn giao 07 tài sản còn lại cho BSL, Công ty T xác nhận đang quản lý các tài sản này tại huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 24/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Kong Chro lập. Công ty T đồng ý bàn giao các tài sản này lại cho BSL để xử lý thu hồi nợ.

*** Vấn đề khác:** Biên bản xem xét tại chỗ ngày 24/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai (được Tòa án nhân dân Quận 10 ủy thác) lập đã ghi nhận tình trạng 07 tài sản cho thuê tài chính đang được Công ty TNHH T quản lý tại Thôn 1 (Thôn 2 cũ) xã Kông Yang, huyện Kong Chro, tỉnh Gia lai.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn, ông Vương Hoàng Đ trình bày:

Giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH B yêu cầu Công ty TNHH T:

- Thanh toán tiền nợ lãi của 04 Hợp đồng cho thuê tài chính, tổng cộng là 5.059.871.718 đồng.

- Bàn giao 07 tài sản cho thuê tài chính như tình trạng được ghi nhận tại Biên bản xem xét tại chỗ ngày 24/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai lập.

Về việc Công ty T đề nghị BSL không tính tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền lãi thì BSL cũng đã không tính thêm tiền lãi kể từ thời điểm thanh toán dứt điểm nợ gốc, vấn đề này cũng phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Tuy nhiên trong thời gian thi hành án về tiền lãi do chậm thi hành án sẽ do Tòa án xem xét quyết định theo quy định của pháp luật, BSL không tự nguyện cho Công ty T không trả tiền lãi trong giai đoạn chậm thi hành án.

- Đại diện Công ty TNHH T: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Tuy nhiên thời hạn đưa vụ án ra xét xử chậm so với quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy Công ty Cho thuê tài chính TNHH B và Công ty TNHH T có ký 04 Hợp đồng cho thuê tài chính. Hiện nay số nợ gốc Công ty T đã thanh toán dứt điểm cho BSL, chỉ còn tiền nợ lãi tổng của 04 Hợp đồng là 5.059.871.718 đồng. Công ty T cũng chấp nhận trả cho BSL nhưng đề nghị BSL cho trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến ngày 01/02/2026 sẽ trả hết và không tính lãi phát sinh do chậm trả tiền lãi. Tuy nhiên BSL không chấp nhận phương án trả nợ của Công ty T, BSL yêu cầu Công ty T phải trả ngay một lần số nợ là đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH B, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”. Bị đơn có trụ sở tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định

tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập ông Võ Ngọc T - đại diện Công ty TNHH T tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện bị đơn theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Công ty cho thuê tài chính TNHH B (tên cũ là “Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đ” có cho Công ty TNHH T thuê 10 loại tài sản gồm: máy đào, máy ủi và xe lu các loại theo 04 HĐCTTC số 320/2007/HĐCTTC ngày 30/10/2007, số 202/2008/HĐCTTC ngày 10/06/2008, số 262/2008/HĐCTTC ngày 08/08/2008 và số 168/2010/HĐCTTC ngày 23/12/2010 ký giữa hai bên. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ thuê tài chính nên BSL đã thu hồi 03 tài sản cho thuê để bán thu hồi nợ. Đến ngày 15/6/2020 tiền nợ thuê tài chính còn lại của 04 HĐCTTC chỉ là tiền lãi phát sinh số tiền là 5.059.871.718 đồng, còn nợ gốc Công ty T đã thanh toán dứt điểm vào ngày 15/6/2020. BSL yêu cầu Công ty T phải trả ngay một lần số tiền 5.059.871.718 đồng và yêu cầu được thu hồi 07 tài sản thuê tài chính do Công ty T đang lưu giữ để phát mãi thu hồi nợ.

Xét thấy, Công ty T đã thừa nhận số tiền lãi còn nợ BSL phát sinh từ 04 HĐCTTC nêu trên là 5.059.871.718 đồng. Tiền nợ lãi do chậm thanh toán nợ gốc đã được BSL tính đúng theo qui định pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên tại Điều 4, 5, 6, 7 của các Hợp đồng cho thuê tài chính thể hiện tại bảng tính lãi ngày 27/01/2021 của BSL. Do đó chấp nhận yêu cầu của BSL buộc Công ty T phải thanh toán tổng số tiền lãi là 5.059.871.718 đồng cho BSL.

Về việc Công ty T đề nghị được trả dần số tiền nợ mỗi tháng là 15.000.000 đồng và sẽ trả dứt điểm vào ngày 01/02/2026 nhưng không được BSL chấp nhận mà BSL yêu cầu Công ty T phải trả ngay. Xét số tiền nợ lãi 5.059.871.718 đồng phát sinh đã lâu, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của BSL nên không có căn cứ để chấp nhận phương thức trả dần theo đề nghị của Công ty T.

Việc Công ty T đề nghị BSL không tính tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền lãi thì BSL cũng đã không tính lãi phát sinh do chậm trả tiền lãi từ thời điểm chốt số nợ lãi là ngày 15/6/2020 cho đến nay. Nội dung này phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại các Hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Tuy nhiên BSL đã không tự nguyện miễn lãi cho Công ty T khi chậm thi hành án, do đó Công ty T phải có nghĩa vụ chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và BSL có đơn yêu cầu thi hành án theo quy định tại

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Về các tài sản cho thuê tài chính:

BSL là chủ sở hữu của 07 tài sản cho thuê tài chính gồm:

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 biển số 50XA-1027 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2007).

- Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu, model D40AM-5 biển số 50XA-1026 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2007).

- Máy lu rung bánh lốp - sắt hiệu Komatsu JV100 WA biển số 50SA-0434 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D41A-3 biển số 50XA-0922 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 biển số 50XA-0921 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu biển số 50XA-2326 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2011)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D60P-6 biển số 50XA-1289 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2008).

Công ty T đã vi phạm Hợp đồng cho thuê tài chính nên theo qui định tại Điều 10, Điều 11 của các Hợp đồng cho thuê tài chính, BSL có quyền thu hồi lại các tài sản cho thuê để xử lý thu hồi nợ.

Hiện tại 07 tài sản nêu trên đang được Công ty T lưu giữ. Công ty T chấp nhận trả lại các tài sản cho BSL, BSL chấp nhận nhận lại các tài sản theo tình trạng hiện hữu được ghi nhận tại Biên bản xem xét tại chỗ ngày 24/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai lập nên ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH B. Buộc Công ty TNHH T phải trả cho BSL tổng số tiền nợ lãi của 04 HĐCTTC là 5.059.871.718 đồng. Công ty T có trách nhiệm giao trả 07 tài sản thuê tài chính cho BSL theo tình trạng hiện hữu để phát mãi thu nợ.

[4] Về án phí: Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho BSL) là 113.059.872 đồng. Trả lại cho BSL số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về lệ phí xem xét thẩm định tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xem xét.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02-05-2001 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19-05-2005 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của 16/2001/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính TNHH B.

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH B toàn bộ số tiền nợ lãi của Hợp đồng cho thuê tài chính số 320/2007/HĐCTTC ngày 30/10/2007, Hợp đồng cho thuê tài chính số 202/2008/HĐCTTC ngày 10/06/2008, Hợp đồng cho thuê tài chính số 262/2008/HĐCTTC ngày 08/08/2008 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 168/2010/HĐCTTC ngày 23/12/2010 ký giữa Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Công ty TNHH T, tổng số tiền là: 5.059.871.718 đồng (năm tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cho thuê tài chính TNHH B cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

1.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có trách nhiệm giao cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH B các tài sản cho thuê tài chính sau đây theo tình trạng thực tế ghi nhận tại Biên bản xem xét tại chỗ ngày 24/12/2020 (do Tòa án nhân dân huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai lập):

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 biển số 50XA-1027 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2007).

- Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu, model D40AM-5 biển số 50XA-1026 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2007).

- Máy lu rung bánh lốp - sắt hiệu Komatsu JV100 WA biển số 50SA-0434 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D41A-3 biển số 50XA-0922 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50P-16 biển số 50XA-0921 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/06/2008)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu biển số 50XA-2326 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2011)

- Máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D60P-6 biển số 50XA-1289 (theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng Sở giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/08/2008).

1.3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 113.059.872 đồng (một trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng) do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T chịu.

Hoàn lại cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.636.184 đồng (năm mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm tám mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0014377 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền